

**TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**
Lầu 8, Phòng 806, 45 Võ thị sáu, F.Đa kao, Quận 1,
TP.HCM Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 - NĂM 2013

Tp.HCM, năm 2013

PHỤ LỤC 02: BÁO CÁO THỰC HIỆN QUỸ LƯƠNG QUÝ III NĂM 2013

STT	Loại hình doanh thu	Doanh thu ước thực hiện	Đơn giá kế hoạch	Lũy kế chi phí lương đã hạch toán
1	Từ dịch vụ vận tải	39,693,911,672		3,747,105,262
	Vận tải dầu thô			
	Vận tải sản phẩm dầu			
	Dịch vụ tàu thuê định hạn	39,693,911,672	118.00	3,747,105,262
	Dịch vụ tàu thuê chuyển		98.90	-
	Dịch vụ tàu thuê ngoài	-	32.40	-
	Vận tải hàng rời	-	16.90	-
	Vận tải sản phẩm khí			
	Vận tải đường bộ, khác			
2	Từ dịch vụ FSO/FPPO			
3	Từ dịch vụ thương mại	78,632,476,765		75,487,178
	Kinh doanh xăng dầu, LPG, nhiên	78,632,476,765	1.20	75,487,178
	Cung cấp vật tư thiết bị			
4	Từ dịch vụ khác	2,857,490,225		165,673,203
	Dịch vụ đại lý, hàng hải	791,331,692	261.70	165,673,203
	Dịch vụ khác	2,066,158,533		-
	Tổng cộng	121,183,878,662	-	3,988,265,643

- 1 SỐ DƯ TÀI NGÀY 01/07/2013 (CÓ 334) 2,994,296,223
- 2 TIỀN LƯƠNG ĐÃ CHI 3,959,768,855
- 3 HẠCH TOÁN VÀO CHI PHÍ 7,654,084,089
 Trong đó: Sản xuất trực tiếp 4,456,679,164
 Quản lý văn phòng 3,197,404,925
- 4 SỐ DƯ TÀI NGÀY 30/09/2013 LẬP BCTC QUÝ BÁO CÁO (CÓ 334) 6,688,611,457

KẾ TOÁN TRƯỞNG 

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ



PHAN PHONG PHÚC

HOÀNG ĐỨC CHÍNH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 02-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 3 NĂM 2013

ĐVT : VN đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kì báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm Nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	121,183,878,662	121,805,378,103	445,569,401,780	319,704,521,176
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		121,183,878,662	121,805,378,103	445,569,401,780	319,704,521,176
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	111,897,278,304	109,656,606,614	410,395,301,410	279,921,063,896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9,286,600,358	12,148,771,489	35,174,100,370	39,783,457,280
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1,534,612,468	344,790,016	2,092,364,984	537,467,603
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	2,582,636,754	9,303,593,723	14,358,163,719	28,487,093,623
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2,575,451,535	5,119,843,986	8,676,779,611	15,997,102,444
Trong đó : Chênh lệch tỷ giá			7,185,219	4,183,749,737	5,681,384,108	12,489,991,179
8. Chi phí bán hàng	24		-	27,959,214	46,771,818	651,549,744
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,152,209,109	2,128,552,974	12,597,471,629	10,349,983,757
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	30		3,086,366,963	1,033,455,594	10,264,058,188	832,297,759
11. Thu nhập khác	31		8,888,238	1,342,357,932	2,988,263,910	10,089,509,386
12. Chi phí khác	32		10,010,044	1,115,487,358	1,244,042,736	9,532,044,528
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1,121,806)	226,870,574	1,744,221,174	557,464,858
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,085,245,157	1,260,326,168	12,008,279,362	1,389,762,617
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	-		-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3,085,245,157	1,260,326,168	12,008,279,362	1,389,762,617

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp.HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2013

GIÁM ĐỐC

TẶNG KIM THỤY VI

PHAN PHONG PHÚC

HOÀNG ĐỨC CHÍNH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 01-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		97,141,745,394	81,057,117,399
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		54,227,625,806	38,542,217,134
1 Tiền	111	V.01	14,227,625,806	13,772,367,134
2 Các khoản tương đương tiền	112		40,000,000,000	24,769,850,000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III Các khoản phải thu	130		31,325,158,952	33,637,059,567
1 Phải thu của khách hàng	131	V.03	28,852,668,870	30,910,299,135
2 Trả trước cho người bán	132	V.03	1,597,673,098	4,644,400,314
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	3,092,813,526	1,486,249,151
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2,217,996,542)	(3,403,889,033)
IV Hàng tồn kho	140		2,590,713,263	5,139,739,415
1 Hàng tồn kho	141	V.04	2,590,713,263	5,139,739,415
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		8,998,247,373	3,738,101,283
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		337,884,183	583,749,354
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,472,051,752	386,529,626
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	9,169,275	9,169,275
5 Tài sản ngắn hạn khác	158		3,179,142,163	2,758,653,028
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		395,691,480,036	416,031,030,475
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4 Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II Tài sản cố định	220		370,414,922,212	387,938,228,131
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	368,091,027,563	384,120,723,295
- Nguyên giá	222		521,836,676,744	522,193,248,527
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(153,745,649,181)	(138,072,525,232)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-



TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2,323,894,649	2,211,059,158
- Nguyên giá	228		2,518,000,000	2,364,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(194,105,351)	(152,940,842)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	1,606,445,678
III Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
1 Nguyên giá	241		-	-
2 Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		25,276,557,824	28,092,802,344
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	24,755,516,534	27,571,761,054
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		521,041,290	521,041,290
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		492,833,225,430	497,088,147,874
NGUỒN VỐN	Mã số	T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		416,577,527,245	462,840,729,051
I Nợ ngắn hạn	310		101,668,677,245	106,097,647,801
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	42,360,000,000	38,715,900,000
2 Phải trả người bán	312		21,543,223,880	34,253,581,706
3 Người mua trả tiền trước	313		9,819,504,365	1,000,000,000
4 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	858,096,922	3,338,548,142
5 Phải trả người lao động	315		6,688,611,457	1,232,631,211
6 Chi phí phải trả	316	V.17	5,877,894,416	12,147,756,094
7 Phải trả nội bộ	317			
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	14,518,630,313	15,406,514,756
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,715,892	2,715,892
II Nợ dài hạn	330		314,908,850,000	356,743,081,250
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.20	314,908,850,000	356,743,081,250
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
8 Quỹ Phát triển khoa học & Công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		76,255,698,185	34,247,418,823
I Vốn chủ sở hữu	410	V.22	76,255,698,185	34,247,418,823
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170,000,000,000	140,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		500,000,000	500,000,000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(94,244,301,815)	(106,252,581,177)
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
2 Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400+439)	440		492,833,225,430	497,088,147,874

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		24		
2 Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N002			
3 Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi				
4 Nợ khó đòi đã xử lý				
5 Ngoại tệ các loại : USD	N007U		482,293.70	32,877
Ngoại tệ các loại : EUR	N007E			-
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

TP.HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



TĂNG KIM THUY VI

PHAN PHONG PHÚC

HOÀNG ĐỨC CHÍNH





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 03-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01 đến 30/09 năm 2013

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12,008,279,362	(45,925,909,086)
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		16,086,144,711	21,518,201,879
- Các khoản dự phòng	03		(1,185,892,491)	2,275,609,589
- Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		4,594,815,779	66,696,939,804
- Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		462,784,371	(536,253,974)
- Chi phí lãi vay	06		8,676,779,611	14,392,670,426
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40,642,911,343	58,421,258,638
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8,150,245,614	23,935,512,485
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,549,026,152	1,476,841,981
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(9,374,282,567)	(18,970,846,747)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		3,062,109,691	20,601,867,011
- Tiền lãi vay đã trả	13		(17,317,866,225)	(9,363,206,106)
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		(155,667,933)	(1,237,425,240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27,556,476,075	74,864,002,022
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	6,7,8,9	-	(12,771,151,782)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	303,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		781,258,365	522,861,396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		781,258,365	(11,945,290,386)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21	30,000,000,000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		200,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(43,296,800,000)	(32,283,400,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13,096,800,000)	(32,283,400,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		15,240,934,440	30,635,311,636
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38,542,217,134	7,922,389,465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		444,474,232	(15,483,967)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	54,227,625,806	38,542,217,134

Lập, Ngày 21 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

TẶNG KIM THUY VI

PHAN PHONG PHÚC

HOÀNG ĐỨC CHÍNH





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ III NĂM 2013

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh Nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Vốn thuộc sở hữu Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Vận tải - Dịch vụ - Thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Đại lý hàng hải; Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại Trụ sở); Cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc ngày 31/12/2013.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty tuân thủ thực hiện báo cáo tài chính theo qui định tại QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và hệ thống các chuẩn mực kế toán - kiểm toán do Bộ tài Chính đã ban hành

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty bảo đảm đã tuân thủ nghiêm túc và kịp thời các Chuẩn mực kế toán căn cứ vào các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính ban hành, đúng và đủ các qui định theo chế độ kế toán Việt Nam

3. Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Tiền để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam, các nghiệp vụ phát sinh có thu bằng ngoại tệ khác được quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kiểm kê định kỳ

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá và giá trị còn lại được phân theo nhóm: Nhà cửa - vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và chuyên dùng; thiết bị dụng cụ quản lý. TSCĐ vô hình là chương trình phần mềm quản lý

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25/04/2013.

- Doanh nghiệp không được tiếp tục tính khấu hao đối với những TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế,

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

- Khấu hao bất động sản đầu tư:

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con:

Quyền kiểm soát của công ty mẹ đối với công ty con được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con,

Công ty mẹ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất phải hợp nhất các báo cáo tài chính của tất cả các công ty con ở trong và ngoài nước,

Công ty mẹ không được loại trừ ra khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty con có hoạt động kinh doanh khác biệt với hoạt động của tất cả các Công ty con khác trong Tập đoàn.

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này,

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

- Các khoản đầu tư vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể.

Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước dài hạn có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm kể từ ngày phát sinh.

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả trước, dự phòng:

- Chi phí trả trước được ghi nhận khi các nghiệp vụ phát sinh đã hoàn thành, có chứng từ hợp lệ, tuân thủ nguyên tắc chi phí phù hợp doanh số sẽ thu.

- Các khoản dự phòng chỉ thực hiện khi có phát sinh phù hợp qui định của Bộ Tài Chính cho phép.

- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán, gồm: vốn của các nhà đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại, các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Căn cứ điều lệ hoạt động, cổ phiếu đang lưu hành được mua lại là cổ phiếu ngân quỹ được hạch toán giảm nguồn vốn cổ phần.

- Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ đăng ký trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ Công ty được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi các giao dịch về cung cấp dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, giá trị hợp lý, chắc chắn sẽ thu hoặc đã thu.

- Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia từ việc góp vốn liên doanh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

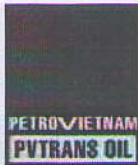
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt Nam tại thời điểm ghi nhận trong sổ sách kế toán theo tỷ giá liên ngân hàng

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

- Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó

- Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả HĐKD

	30/9/2013	31/12/2012
01. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	301,455,080	62,512,516
- Tiền gửi ngân hàng	13,926,170,726	13,709,854,618
- Tiền đang chuyển		-
- Các khoản tương đương tiền	40,000,000,000	24,769,850,000
	54,227,625,806	38,542,217,134
02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác (TGNH có kỳ hạn > 3 tháng ~ 1 năm)	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (-)	-	-
	-	-
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu của khách hàng.	28,852,668,870	30,910,299,135
- Trả trước cho người bán.	1,597,673,098	4,644,400,314
- Phải thu nội bộ	-	-
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng.	-	-
- Tạm ứng		
- Thẻ chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn		
- Phải thu khác	3,092,813,526	1,486,249,151
	33,543,155,494	37,040,948,600
04. Hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu, PT thay thế	2,590,713,263	5,139,739,415
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hóa	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

	2,590,713,263	5,139,739,415
05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/9/2013	31/12/2012
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	9,169,275	9,169,275
- Thuế GTGT phải thu nhà nước	-	-
- Các khoản phải thu Nhà nước:	-	-
	9,169,275	9,169,275
06. Phải thu dài hạn nội bộ	30/9/2013	31/12/2012
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	-
-	-	-
	-	-
07. Phải thu dài hạn khác	30/9/2013	31/12/2012
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	521,041,290	521,041,290
- Các khoản tiền nhận uỷ thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
	521,041,290	521,041,290

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	545,454,545	565,027,997	521,082,765,985	-	522,193,248,527
- Mua trong kỳ	-				-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-				-
- Tăng khác		36,682,727			36,682,727
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-				-
- Thanh lý, nhượng bán	-				-
- Giảm khác		(393,254,510)			(393,254,510)
Số dư cuối kỳ	545,454,545	208,456,214	521,082,765,985	-	521,836,676,744
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu năm	109,090,918	494,384,773	137,469,049,541		138,072,525,232
- Tăng trong kỳ	40,909,086	43,123,401	15,960,947,715		16,044,980,202
- Tăng khác	-	-			-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-		-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-			-
- Giảm khác (Điều chỉnh theo thông tư 45/2013)	-	(371,856,253)	-		(371,856,253)
Số dư cuối kỳ	150,000,004	165,651,921	153,429,997,256	-	153,745,649,181
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					-
- Tại ngày đầu kỳ	436,363,627	70,643,224	383,613,716,444	-	384,120,723,295
- Tại ngày cuối kỳ	395,454,541	42,804,293	367,652,768,729	-	368,091,027,563

09- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ						
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tặng khác						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ						
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ						
- Khấu hao trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tặng khác						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ						
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày đầu kỳ						
- Tại ngày cuối kỳ						

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	2,300,000,000			64,000,000		2,364,000,000
- Mua trong kỳ				-		-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				-		-
- Tặng khác				154,000,000		154,000,000
- Thanh lý, nhượng bán				-		-
- Giảm khác				-		-
Số dư cuối kỳ	2,300,000,000	-	-	218,000,000		2,518,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế						-
Số dư đầu kỳ	88,940,842	0	0	64,000,000		152,940,842
- Khấu hao trong kỳ	25,764,507			15,400,002		41,164,509
- Tặng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác				-		-
Số dư cuối kỳ	114,705,349	-	-	79,400,002		194,105,351
Giá trị còn lại của TSCĐVH	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày đầu kỳ	2,211,059,158	-	-	-	-	2,211,059,158
- Tại ngày cuối kỳ	2,185,294,651	-	-	138,599,998		2,323,894,649

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

30/9/2013

31/12/2012

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Trong đó (Những công trình lớn):

+ Mua sắm TSCĐ

+ Công trình khác



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm/kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm/kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

** Thuyết minh số liệu và giải trình khác:*

13. Đầu tư dài hạn khác:

- Đầu tư cổ phiếu
- Đầu tư trái phiếu
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu
- Cho vay dài hạn
- Đầu tư dài hạn khác:

30/9/2013

31/12/2012

-
-
-
-

-

14. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ
- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình
- Chi phí trả trước chờ phân bổ

30/9/2013

31/12/2012

312,500,003 6,188,795,842

-
-
-

24,443,016,531 21,382,965,212

24,755,516,534 27,571,761,054

15. Vay và nợ ngắn hạn

- Vay ngắn hạn
- Nợ dài hạn đến hạn trả

30/9/2013

31/12/2012

200,000,000 -
42,160,000,000 38,715,900,000

Trong đó

TCT tài chính CP dầu khí

42,160,000,000 38,715,900,000

42,360,000,000 38,715,900,000

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp

30/9/2013

31/12/2012



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Tầng 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

- Thuế thu nhập cá nhân	6,285,952	103,805,972
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất		
- Tiền thuê đất		
- Thuế nhà thầu		
- Các khoản phải nộp khác	851,810,970	3,234,742,170
	858,096,922	3,338,548,142

Tình hình tăng giảm khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước trong kỳ như sau:

CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	-					-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	93,038,377	93,038,377	164,457,114	164,457,114	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-			-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	37,383,741	37,383,741	75,771,283	75,771,283	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(9,169,275)			-	-	(9,169,275)
Thuế thu nhập cá nhân	59,884,938	49,192,549	102,791,535	514,167,816	611,687,836	6,285,952
Thuế nhà thầu nộp thay	-			-	-	-
Các loại thuế khác (thuế nhà thầu nộp)	924,815,304	1,239,665,996	1,312,670,330	4,796,819,870	7,179,751,070	851,810,970
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-			-	-	-
	-			-	-	-
Tổng cộng	975,530,967	1,419,280,663	1,545,883,983	5,551,216,083	8,031,667,303	848,927,647

17. Chi phí phải trả	30/9/2013	31/12/2012
- Chi phí phải trả khác	4,400,111,372	2,106,596,764
- Chi phí lãi vay phải trả	1,477,783,044	10,041,159,330
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
	5,877,894,416	12,147,756,094

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/9/2013	31/12/2012
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	65,481,916	39,687,150
- Bảo hiểm xã hội	262,777,350	570,726,025
- Bảo hiểm y tế	(20,780,273)	21,344,224
- Bảo hiểm thất nghiệp	(3,751,000)	38,591,867
- Phải trả khác về Cổ phần hoá	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14,214,902,320	14,736,165,490
	14,518,630,313	15,406,514,756

19. Phải trả dài hạn nội bộ	30/9/2013	31/12/2012
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

20. Vay và nợ dài hạn

a) Vay dài hạn

- Vay ngân hàng

Trong đó

Công ty tài chính dầu khí

- Vay đối tượng khác

- Trái phiếu phát hành

b) Nợ dài hạn

- Thuê tài chính

- Nợ dài hạn khác

	30/9/2013	31/12/2012
	-	-
	30/9/2013	31/12/2012
	314,908,850,000	356,743,081,250
	314,908,850,000	356,743,081,250
	314,908,850,000	356,743,081,250
	-	-
	-	-
	-	-
	-	-
	314,908,850,000	356,743,081,250

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

	30/9/2013	31/12/2012
	-	-

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

- Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/9/2013	31/12/2012
	-	-

22. Vốn chủ sở hữu

a) Vốn của chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	7	8	9
Số dư đầu năm trước	140,000,000,000	500,000,000	-	(66,787,077,820)	-	-	-	-	(60,326,672,091)	13,386,250,089
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	66,787,077,820	-	-	-	-	-	66,787,077,820
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(45,925,909,086)	(45,925,909,086)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	140,000,000,000	500,000,000	-	-	-	-	-	-	(106,252,581,177)	34,247,418,823
Số dư đầu kỳ này	140,000,000,000	500,000,000	-	-	-	-	-	-	(106,252,581,177)	34,247,418,823
- Tăng trong kỳ	30,000,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-	30,000,000,000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	12,008,279,362	12,008,279,362
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	170,000,000,000	500,000,000	-	-	-	-	-	-	(94,244,301,815)	76,255,698,185



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/9/2013	31/12/2012
- Vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam		
- Vốn góp của Tổng công ty	105,974,870,000	75,974,870,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	64,025,130,000	64,025,130,000
	<u>170,000,000,000</u>	<u>140,000,000,000</u>
c) Các quỹ của Doanh nghiệp	30/9/2013	31/12/2012
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ Dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	<u>-</u>	<u>-</u>
23. Nguồn kinh phí	30/9/2013	Quý năm trước
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-	-
24. Tài sản thuê ngoài	30/9/2013	Quý năm trước
a) Giá trị tài sản thuê ngoài		
- TSCĐ thuê ngoài	-	-
- TS khác thuê ngoài	-	-
b) Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	-	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
- Trên 5 năm	-	-
VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	30/9/2013	Quý năm trước
25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)	121,183,878,662	121,805,378,103
- Doanh thu bán hàng	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	121,183,878,662	121,805,378,103
Trong đó:		
+ Thương mại	78,632,476,765	63,734,257,451
+ Dịch vụ vận tải	39,693,911,672	52,064,584,437
+ Dịch vụ OFS/FPSO		
+ Dịch vụ khác	2,857,490,225	6,006,536,215
26. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 10)	121,183,878,662	121,805,378,103
Trong đó:		



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	-	-
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	121,183,878,662	121,805,378,103
28. Giá vốn hàng bán (MS 11)	30/9/2013	Quý năm trước
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	111,897,278,304	109,656,606,614
Trong đó:		
+ Thương mại	78,484,789,441	63,268,547,961
+ Dịch vụ vận tải	30,723,266,911	40,588,501,013
+ Dịch vụ OFS/FPSO		
+ Dịch vụ khác	2,689,221,952	5,799,557,640
	111,897,278,304	109,656,606,614
29. Doanh thu hoạt động tài chính (MS 21)	30/9/2013	Quý năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	438,562,399	137,824,091
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ	110,185,715	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4,833,430	206,965,925
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	981,030,924	
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
	1,534,612,468	344,790,016
30. Chi phí tài chính (MS 22)	30/9/2013	Quý năm trước
- Lãi tiền vay ngân hàng	2,575,451,535	5,119,843,986
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7,185,219	50,306,111
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		4,133,443,626
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		-
- Chi phí tài chính khác		-
	2,582,636,754	9,303,593,723
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (MS 51)	30/9/2013	Quý năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (MS 52)	30/9/2013	Quý năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng -
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả -
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại -

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	30/9/2013	Quý năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4,856,845,300	15,611,066,887
- Chi phí nhân công	8,675,303,066	3,590,077,162
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,359,520,078	5,382,017,513
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97,933,695,892	86,699,242,823
- Chi phí khác bằng tiền	224,123,077	530,714,417
	117,049,487,413	111,813,118,802

VIII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:

- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu -
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu -

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý -
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền -
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý -
- Phần giá trị tài sản và công nợ không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ. Giá trị tài sản này phải được tổng hợp theo từng loại tài sản. -

c) Doanh nghiệp phải trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện -

IX- Những thông tin khác:

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng Tổng Công ty và khoản thuê tàu. Các hợp đồng thuê được ký cho thời hạn năm năm. Tại ngày kết thúc giai đoạn, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3. Thông tin về nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan:

Trong kỳ, Tổng công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
Dịch vụ cung cấp (Doanh thu nội bộ)		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	5,492,259,700	1,927,505,100
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	30,502,372,473	32,786,545,001
Tổng công ty CP Vận tải Dầu Khí		66,843,213
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	17,803,161,439	17,076,711,846
CN TCTY Khí VN- CTY CP - CTY KD SP khí	2,908,898,527	6,067,435,472



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tổng Cty Thương Mại Kỹ Thuật và đầu Tư - Cty Cổ Phần		6,161,095,790
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1,477,783,044	11,666,067,307
Thu nhập hoạt động tài chính		
Cổ tức nhận được		
Góp vốn trong năm		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:		
	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác	363,905,825	370,062,042
	-	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:		
	30/09/2013	30/09/2012
Vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	357,068,850,000	406,119,965,000
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	4,227,691,033	
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương		14,474,250,000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	11,847,639,650	25,146,072,489
CN TCTY Khí VN- CTY CP - CTY KD SP khí		3,382,143,630
Tổng Cty Thương Mại Kỹ Thuật và đầu Tư - Cty Cổ Phần		4,573,079,489
Trả trước cho người bán		
CN-Tổng công ty CP vận tải Dầu Khí		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	1,646,000,000	
Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt		
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long		11,376,011,756
CN-Tổng công ty CP Vận tải dầu khí VN	30,525,000	
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	125,922,775	306,429,600



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chi nhánh PTSC - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	3,364,417	782,856,857
Tổng công ty dầu Việt Nam		140,698,886
CN Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí tại TP.HCM		

Phải trả khác

Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	2,178,140,635	5,245,603,977
Tổng công ty dầu Việt Nam	5,792,316	7,429,585
Tổng công ty CP Vận tải Dầu Khí	1,082,470,473	
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	422,203,081	685,718,771
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 'Báo cáo bộ phận' (áp dụng cho công ty niêm yết):

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

5.1. Lợi nhuận trước thuế tăng so với Quý báo cáo cùng kỳ năm trước:

	Quý báo cáo năm nay	Quý báo cáo cùng	Chênh lệch
+Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	121,183,878,662	121,805,378,103	(621,499,441)
+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,085,245,157	1,260,326,168	1,824,918,989

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

NGƯỜI LẬP

TĂNG KIM THUY VI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN PHONG PHÚC

Lập, Ngày 21 tháng 10 Năm 2013

GIÁM ĐỐC



HOÀNG ĐỨC CHÍNH

C.P.